

Số: 2222/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 26 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu
phường 2 thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-BXD ngày 25/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị trấn Duyên Hải mở rộng, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 15/10/2008 của Tỉnh ủy tỉnh Trà Vinh về việc mở rộng và nâng cấp thị trấn Duyên Hải lên thị xã (đô thị loại IV) trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 314/TB-VPCP ngày 07/8/2014 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp cho ý kiến về chủ trương điều chỉnh địa giới tăng đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện tại một số địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 04/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu phường 2 thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân huyện Duyên Hải về việc xin phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu phường 2 thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (tỷ lệ 1/2000),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với các nội dung như sau:

1. Phạm vi và ranh giới nghiên cứu quy hoạch:

a) Vị trí, giới hạn khu đất: Một phần ranh giới hành chính của xã Long Hữu và xã Long Toàn, huyện Duyên Hải. Tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp xã Long Hữu;
- Phía Nam giáp phường 1;
- Phía Tây giáp xã Long Hữu và xã Long Toàn;
- Phía Đông giáp xã Trường Long Hòa.

b) Quy mô: Diện tích khoảng 1.153,40 ha.

2. Tính chất:

Khu đô thị thuộc phường 2 thị xã Duyên Hải là khu quy hoạch xây dựng mới kết hợp với các khu dân cư nông thôn hiện hữu được đô thị hóa; là phường cửa ngõ của thị xã với các chức năng chính: Khu dân cư đô thị, công trình dịch vụ công cộng, trung tâm thể dục thể thao và công viên cây xanh,...

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Dân số dự kiến toàn khu quy hoạch : khoảng 20.000 người;
- Mật độ xây dựng toàn khu : 16 %;
- Tầng cao tối đa : 09 tầng;
- Tầng cao tối thiểu : 01 tầng;
- Hệ số sử dụng đất toàn khu : 0,6;
- Đất đơn vị ở : 46,5 m²/người;
 - + Đất nhóm nhà ở : 28m²/ người;
 - + Đất giáo dục : 3,5 m²/ người;
 - + Đất y tế : 0,9 m²/ người;
 - + Đất cây xanh, thể dục thể thao: : 3,6 m²/ người.
- Đất cây xanh đô thị : 19,7 m²/ người.
- Chỉ tiêu cấp, thoát nước : 120 lít/người.ngày đêm;
- Chỉ tiêu cấp điện : 1000 ÷ 1.500 KWh/người.năm;
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc : 1 ÷ 2 điện thoại/hộ;
- Chỉ tiêu rác thải : 0,9 kg/người.ngày đêm;

4. Cơ cấu phân bố sử dụng đất:

Diện tích khu quy hoạch: 1.153,40 ha. Cơ cấu khu đất phân bố như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	353,63		30,70%
1	Đất đơn vị ở	93,01	46,50	8,10%
	- Đất ở	56,00	28,00	

	- Đất công trình công cộng	9,84	4,90	
	- Đất giáo dục	6,96	3,50	
	- Đất y tế	1,86	0,90	
	- Đất hành chính	1,02	0,50	
	- Đất cây xanh - Thể dục thể thao	7,14	3,60	
	- Đất giao thông	20,03	10,00	
2	Đất ngoài đơn vị ở	260,62		22,6%
	- Đất công trình dịch vụ đô thị	11,02		
	- Đất giáo dục	2,03		
	- Đất công trình công cộng	8,99		
	- Đất quảng trường	11,41		
	- Đất cây xanh - thể dục thể thao	39,40	19,7	
	- Đất hỗn hợp	122,58		
	- Đất giao thông đô thị	76,22		
	- Đất giao thông	73,05		
	- Bến bãi	3,17		
B	Đất ngoài dân dụng	799,77		69,3%
1	Đất giao thông đối ngoại	71,30		
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	1,53		
3	Đất tôn giáo	0,64		
4	Đất nghĩa địa	6,53		
5	Đất cây xanh hành lang bảo vệ	28,25		
6	Đất tiểu thủ công nghiệp	7,18		
C	Đất khác			
	- Đất an ninh quốc phòng	76,46		
	- Đất nông nghiệp	210,39		

	- Đất cây xanh rừng	136,81		
	- Đất sông kênh rạch	94,54		
	- Đất dự trữ phát triển	166,14		
	Tổng cộng	1.153,40		100,0%

5. Phân khu chức năng:

Các khu chức năng trong khu quy hoạch không những đảm bảo đáp ứng cho 1.153,40 ha mà còn phục vụ trong tổng thể các khu vực xã và điểm dân cư nông thôn lân cận. Không gian đô thị được định hình bởi các trục giao thông chính: trục Bắc - Nam (Quốc lộ 53 hiện hữu), trục phân khu hướng Đông - Tây (đường N5) và các yếu tố tự nhiên sông Long Toàn, sông Bến Giá chia khu quy hoạch thành năm phân khu chính với chức năng sử dụng đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan như sau:

a) Khu vực cửa ngõ phía Bắc khu quy hoạch (khu vực Long Hữu, phía Nam sông Bến Giá): Khu vực chuyển tiếp của khu vực nội thị và ngoại thị của thị xã. Gồm đất ở xây dựng mới và đất ở chỉnh trang cùng với các chức năng công cộng cấp đơn vị ở, các khu phức hợp dịch vụ công cộng bố trí dọc Quốc lộ 53 (hiện hữu) nhằm khai thác giá trị quỹ đất và định hình vị thế cửa ngõ đô thị.

b) Khu phức hợp dịch vụ công cộng và quảng trường đô thị dọc Quốc lộ 53 hiện hữu phía Nam sông Bến Giá. Bố trí các chức năng công cộng cấp đô thị bổ sung cho khu trung tâm hiện hữu ít có khả năng bố trí do mật độ cao (phường 1). Gồm khu phức hợp dịch vụ công cộng, khu quảng trường và công trình điểm nhấn đô thị, đất quốc phòng và dự trữ phát triển.

c) Khu dân cư trung tâm giới hạn bởi Quốc lộ 53 (hiện hữu) và đường tỉnh 913 và phát triển về phía Nam và Đông Nam. Tổ chức các khu ở xây dựng mới, công trình công cộng cấp đơn vị ở và công viên trung tâm, kiến trúc cảnh quan khu vực gắn liền với hệ thống kênh rạch hiện hữu thông thoáng về phía sông Bến Giá tạo trục cảnh quan đặc trưng miền sông nước Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Khu phức hợp dịch vụ công cộng và dân cư phía Nam giới hạn bởi Quốc lộ 53 (hiện hữu) và trục giao thông chính hướng Đông - Tây (đường N5) phát triển về phía Nam khu quy hoạch. Bố trí các khu phức hợp dịch vụ công cộng dọc trục Quốc lộ 53 và trục N5 nhằm khai thác giá trị quỹ đất.

e) Khu dự trữ phát triển và rừng phòng hộ dọc sông Long Toàn: Khu vực được xác định là lớp cảnh quan sinh thái và phòng hộ thứ 2 (sau lớp rừng phòng hộ dọc bờ biển xã Trường Long Hòa).

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Tổ chức không gian phù hợp với phân khu chức năng đô thị. Tận dụng tối đa các điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, cảnh quan sẵn có của khu vực, bảo vệ môi trường cảnh quan, đảm bảo việc phát triển bền vững trong tương lai.

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý và mang tính khả thi cao; Bố cục quy hoạch các khu chức năng hợp lý, đảm bảo bán kính phục vụ đồng thời tiết kiệm đất xây dựng.

- Gắn kết mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của khu vực nghiên cứu với mạng lưới hiện có và mạng lưới chung của toàn khu vực tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

a) Giao thông đô thị: Gồm các tuyến đường chính có lộ giới 36m - 54m như: Quốc Lộ 53 có lộ giới 54 m và các tuyến đường có lộ giới 36m như: tỉnh lộ 913; tỉnh lộ 914 và các đường N5, D4, D12.

Mặt cắt các tuyến giao thông trong khu quy hoạch như sau:

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	CHIỀU DÀI	MẶT CẮT NGANG		
				LỀ TRÁI	LÒNG ĐƯỜNG	LỀ PHẢI
		m	m	m	m	m
1	QUỐC LỘ 53	54,0	4.617,1	9,0	36,0	9,0
2	TỈNH LỘ 913	36,0	3.229,4	9,0	18,0	9,0
3	TỈNH LỘ 914	36,0	1.282,4	9,0	18,0	9,0
4	ĐƯỜNG N5	36,0	2.554,0	9,0	18,0	9,0
5	ĐƯỜNG D4	36,0	3.068,7	9,0	18,0	9,0
6	ĐƯỜNG D12	36,0	1.236,9	9,0	18,0	9,0

b) Đường khu vực: gồm các tuyến đường có lộ giới từ 18-28m.

Mặt cắt các tuyến giao thông trong khu quy hoạch như sau:

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	CHIỀU DÀI	MẶT CẮT NGANG		
				LỀ TRÁI	LÒNG ĐƯỜNG	LỀ PHẢI
		m	m	m	m	m
1	ĐƯỜNG D11	28	5.965,5	6	16	6
2	ĐƯỜNG D1	24	763,0	5	14	5

3	ĐƯỜNG D5	24	1.025,6	5	14	5
4	ĐƯỜNG D6	24	679,4	5	14	5
5	ĐƯỜNG D7	24	1.060,7	5	14	5
6	ĐƯỜNG D10	24	2.358,8	5	14	5
7	ĐƯỜNG D13	24	3.517,8	5	14	5
8	ĐƯỜNG D14	24	1.157,8	5	14	5
9	ĐƯỜNG D3	20	2.987,8	6	8	6
10	ĐƯỜNG D15	20	1.665,2	6	8	6
11	ĐƯỜNG D20	20	624,8	6	8	6
12	ĐƯỜNG N3	20	629,3	6	8	6
13	ĐƯỜNG N6	20	477,4	6	8	6
14	ĐƯỜNG N7	20	805,2	6	8	6
15	ĐƯỜNG N10	20	1.362,2	6	8	6
16	ĐƯỜNG N12	20	297,2	6	8	6
17	ĐƯỜNG N15	20	852,2	6	8	6
18	ĐƯỜNG N16	20	180,5	6	8	6
19	ĐƯỜNG N19	18	2.100,9	5	8	5
20	ĐƯỜNG BÊN CHUỐI	16	1.564,0	4	8	4

c) Đường nội bộ: gồm các tuyến đường có lộ giới từ 13-16m.

BẢNG TỔNG HỢP MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG CẤP ĐƠN VỊ Ở						
STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	CHIỀU DÀI	MẶT CẮT NGANG		
				LỀ TRÁI	LÒNG ĐƯỜNG	LỀ PHẢI
		m	m	m	m	m
1	ĐƯỜNG D8	16	1.027,0	4	8	4
2	ĐƯỜNG N2	16	422,1	4	8	4
3	ĐƯỜNG N13	16	674,2	4	8	4
4	ĐƯỜNG N22	15	729,7	4	7	4
5	ĐƯỜNG N25	15	127,6	4	7	4
6	ĐƯỜNG D17	15	944,9	4	7	4

7	ĐƯỜNG D9	14	461,7	3,5	7	3,5
8	ĐƯỜNG D16	14	363,3	3,5	7	3,5
9	ĐƯỜNG D18	14	453,9	3,5	7	3,5
10	ĐƯỜNG D19	14	767,3	3,5	7	3,5
11	ĐƯỜNG N1	14	422,8	3,5	7	3,5
12	ĐƯỜNG N2	14	155,8	3,5	7	3,5
13	ĐƯỜNG N8	14	688,7	3,5	7	3,5
14	ĐƯỜNG N9	14	854,5	3,5	7	3,5
15	ĐƯỜNG N11	14	674,1	3,5	7	3,5
16	ĐƯỜNG N14	14	671,7	3,5	7	3,5
17	ĐƯỜNG N17	14	373,9	3,5	7	3,5
18	ĐƯỜNG N18	14	1.336,7	3,5	7	3,5
19	ĐƯỜNG N21	14	524,2	3,5	7	3,5
20	ĐƯỜNG N23	14	520,0	3,5	7	3,5
21	ĐƯỜNG N24	14	1.025,0	3,5	7	3,5
22	ĐƯỜNG N20	13	961,2	3	7	3

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ san nền tối thiểu +2,50m cho toàn khu vực phường 2. Khu vực đất dự trữ phát triển, đất cây xanh cách ly sẽ giữ lại cao độ tự nhiên. Địa hình đô thị phường 2 định hình dốc từ Tây sang Đông (từ trung tâm phường về phía sông Long Toàn).

- Quy hoạch thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống trên Quốc lộ 53 và các tuyến đường, sau đó đổ ra các sông rạch tự nhiên. Nguồn tiếp nhận chính: kênh Xáng, sông Long Toàn và sông Bến Giá.

7.3. Quy hoạch cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

- + Chỉ tiêu dùng nước (Qsh): 120 lít/ người ngày đêm
- + Chỉ tiêu cấp nước cho công trình thương mại dịch vụ, công cộng: 15% Qsh;
- + Chỉ tiêu cấp nước cho khách vãng lai: 10% Qsh;
- + Chỉ tiêu cấp nước tưới cây, rửa đường: 10% Qsh;
- + Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 15 lít/s.1 đám cháy (tính với 2 đám cháy xảy ra đồng thời);

- + Chỉ tiêu thất thoát: 15%.
- Tổng nhu cầu dùng nước cho khu quy hoạch khoảng 4.700 m³/ngày.
- Nguồn cấp nước hoàn toàn là nước ngầm. Nguồn nước cấp từ nhà máy nước thị xã Duyên Hải, đặt tại phường 1 với công suất 14.000 m³/ngày đêm. Mạng lưới đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE.

7.4. Thoát nước bẩn, rác thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước bẩn:

- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 120 lít/người.ngđ
 - + Khách vãng lai 10% nước thải sinh hoạt.
 - + Công trình công cộng thương mại, dịch vụ...: 15% nước thải sinh hoạt.
 - + Tiểu thủ công nghiệp: 10% nước thải sinh hoạt.
- Nhu cầu nước thải sinh hoạt: 4.000 m³/ngày đêm.
- Nước thải sinh hoạt sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải được đưa về các trạm xử lý nước thải công suất 8.000-12.000 m³/ngày đêm xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Riêng khu vực phía Tây Bắc nước thải dẫn về trạm xử lý công suất 1000-2000 m³/ngày đêm theo quy hoạch chung đô thị Duyên Hải.

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg/người/ngày đêm
- Nhu cầu chất thải rắn sinh hoạt : 24 tấn/ngày đêm.
- Trong giai đoạn đầu, toàn bộ chất thải rắn của đô thị sẽ được vận chuyển tới khu vực tập trung chất thải rắn tại các xã Long Hữu, xã Trường Long Hòa và xã Dân Thành. Trong giai đoạn dài hạn, chất thải rắn sẽ được vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch chung đô thị Duyên Hải.

7.5. Cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện:
 - + Phụ tải tiêu dùng dân cư 1000÷1500 kWh/người.năm;
 - + Công cộng 0,015÷0,03kW/m² sàn;
 - + Công nghiệp 200kW/ha;
 - + Nông-lâm-ngư nghiệp 0,2kW/ha;
 - + Công viên 20kW/ha;
 - + Giao thông 10kW/ha.
- Nhu cầu công suất khu quy hoạch khoảng 71,3MW (83,9MVA).
- Nguồn điện được cấp từ trạm biến áp 110/22kV 2x25MVA Duyên Hải (tương lai 2x63MVA) và trạm biến áp 110/22kV 2x63MVA Cầu Ngang theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020 đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng điện cho khu quy hoạch.

- Cải tạo, nâng cấp các trạm phân phối 22/0,4kV hiện hữu và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối mới với hình thức trạm ưu tiên chọn hình thức trạm là trạm phòng, trạm đơn thân, trạm giàn hoặc bố trí bên trong các cao ốc...đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Cải tạo, nâng cấp, ngầm hóa các tuyến trung hạ thế hiện hữu và xây dựng mới các tuyến trung hạ thế mới cung cấp điện trung thế 22kV cho khu quy hoạch đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường, chiếu sáng công viên, vườn hoa... là hệ thống ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị.

7.6. Thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu:

+ Điện thoại cố định dự kiến cho nhà ở: 1-2máy/hộ;

+ Công trình công cộng, trường học...: 5-30 máy/khu;

+ Đất khác...: 5÷10 máy/ha.

- Tổng nhu cầu thuê bao cho khu quy hoạch khoảng 6.032 thuê bao.

- Nguồn cung cấp: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch là hệ thống nội; lâu dài được ngầm hóa và được cấp từ bưu cục Duyên Hải và bưu điện Long Hữu.

- Cải tạo nâng cấp bưu điện Long Hữu hiện hữu đạt dung lượng 5.000 số theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Duyên Hải cung cấp dịch vụ viễn thông cho khu quy hoạch.

- Cải tạo và xây dựng mới các tuyến thông tin liên lạc dọc các đường khu quy hoạch sử dụng cáp đồng 0,5mm² (loại cáp tham khảo) hoặc cáp quang từ bưu cục bưu điện trên phân phối dịch vụ cho khu quy hoạch.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Giải pháp về quy hoạch: Giữ gìn hành lang rừng phòng hộ bảo vệ đô thị ở phía Đông, ngăn chặn xâm nhập mặn và nước biển dâng. Quy hoạch cây xanh tập trung, cây xanh cách ly để bảo vệ môi trường không khí trong đô thị.

- Giải pháp về kỹ thuật, công nghệ: Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải và nước cấp đảm bảo không vi phạm các quy chuẩn về chất lượng nước mặt, chất lượng nước ăn uống, chất lượng nước sinh hoạt,... Lựa chọn giống cây để phát triển hệ thống cây xanh giảm ồn, bụi hiệu quả tại mỗi khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

- Giải pháp quản lý: Xây dựng kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho khu vực đô thị. Xây dựng lực lượng phòng chống rủi ro do sự cố tràn dầu có thể xảy ra tại khu vực cảng trên sông Long Toàn.

- Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu: Triển khai các dự án nghiên cứu và đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là dự án về tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng. Sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, bảo tồn tài nguyên để phát triển.

9. Những hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Các chương trình, mục tiêu cải tạo và xây dựng đô thị được xác định trên nguyên tắc phát triển hạ tầng. Ưu tiên phát triển xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trước các công trình hạ tầng xã hội.

- Các dự án đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển đô thị như: Dự án nâng cấp và xây dựng tuyến giao thông liên khu vực, nâng cấp tuyến Quốc lộ 53; các dự án xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; các dự án xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội; xây dựng các khu ở đô thị.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Căn cứ nội dung quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

- Tổ chức thực hiện cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khi quy hoạch được công bố.

- Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.//

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng NC: TH, NC, KTTH;
- Lưu: VT, KTKT. 17báo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong